TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 356/2017/HC-PT
Ngày: 07-12 - 2017
V/v khiếu kiện: Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh.

Ông Nguyễn Văn Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***:Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 181/2017/TLPT-HC ngày 04 tháng 07 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC- ST ngày 18 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 573/2017/QĐPT ngày 20 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2017/QĐPT ngày 10 tháng 10 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 772/2017/QĐPT ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Mai Văn T; Địa chỉ: Khóm 1, Thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Quốc T1; Địa chỉ: Số 233/1, đường N, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Tấn C1– Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. (Văn bản ủy quyền số 09/UQ-UBND ngày 23/8/2017) (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch UBND huyện B: Ông Hồ Song T2 – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và ông Võ Thanh B1– Trưởng phòng Tư pháp huyện B (Có mặt)

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị trấn B

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Tiêu Văn T3– Chủ tịch UBND thị trấn B (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 07, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Mai Văn T, người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại quyết định số: 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn B xử phạt Ông Mai Văn T là 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) về hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Đồng thời áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm.

Do Ông Mai Văn T không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt số 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 nên ngày 23/6/2016 Phó Chủ tịch UBND huyện B tiếp tục ra quyết định số 07/QĐ-CC cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi hành chính số 265.

Ngày 16/8/2016 Ông Mai Văn T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu hủy các Quyết định: Quyết định xử phạt số 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn B và Quyết định số 07/QĐ-CC ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về cưỡng chế thi hành Quyết định 265, Lý do:

Thứ nhất, đối với phần đất này gia đình ông là chủ sở hữu hợp pháp, có đăng ký với cơ quan địa chính ở thị trấn, quản lý sử dụng suốt thời gian dài;

Thứ hai, về hành vi lấn chiếm đất như Quyết định xử phạt hành chính số: 265/QĐ-XPVPHC cũng như Quyết định cưỡng chế số: 07/QĐ-CC là không phù hợp vì ông không có hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp, vì phần đất và nhà này là thuộc quyền sở hữu hợp pháp chứ không lấn chiếm đất của Nhà Nước;

Thứ ba, mục đích thu hồi không đúng mục đích, phần đất và nhà này ông nhận chuyển nhượng hợp pháp, có giấy sang nhượng nhà và đất nêu trên. Mặt khác, phần đất này gia đình ông suốt thời gian qua đã cải tạo, tu bổ nên mới có phần đất và nhà ổn định như hôm nay.

Đối với người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn B trình bày:

Ngày 02/6/2016, UBND thị trấn tiến hành xác minh nguồn gốc đất của Ông Mai Văn T, kết quả xác minh: Đất này có nguồn gốc của Nhà nước trước đây được bà Võ Hồng H sang nhượng lại thành quả lao động cho Ông Mai Văn T vào ngày 10/5/2001. Đến ngày 26/5/2002, Ông Mai Văn T sang nhượng một phần cho ông H1, ông H1 cất nhà ở và sử dụng và cất nhà ở đến khi Nhà nước lập, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ di dời; đất thuộc kênh xáng do Nhà nước quản lý.

Phần nhà đất của ông T nằm trong Phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng lộ giao thông Khu Thương nghiệp – Dân cư Khóm 1, thị trấn B (gồm 28 hộ bị ảnh hưởng); Anh Nguyễn Minh H2 (con rể ông T, do ông T đang điều trị bệnh) đứng ra nhận tiền bồi thường vào ngày 01/8/2011 và ký Biên bản cam kết tháo dỡ nhà giao mặt bằng làm lộ, phần còn lại chưa bàn giao 50,02m^2 (ngang 6,1m; dài 8,2m).

Tuy nhiên, đến ngày 24/6/2015 anh H2 vẫn không chịu giao mặt bằng diện tích còn lại và ông T sau khi điều trị bệnh về tiếp tục quản lý sử dụng.

Ngày 07/7/2015 UBND thị trấn B kết hợp với các ngành đoàn thể vận động các hộ đã nhận tiền bồi thường, trong đó có hộ ông T sớm tháo dỡ nhà giao mặt bằng trong thời hạn 15 ngày; Tuy nhiên, hết thời hạn ông T vẫn không chấp hành nên tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính và ra Quyết định xử phạt 265.

Nay người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn B cho rằng việc ban hành Quyết định 265 là đúng quy định pháp luật; Tuy nhiên qua quá trình đối thoại tại Tòa, thấy rằng thời hiệu xử phạt vi phạm do lấn chiếm đất không còn nên đồng ý không xử phạt tiền 4 triệu đồng đối với ông T mà chỉ buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu bằng Quyết định số 299/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2016 về sửa đổi bổ sung một phần Quyết định 265.

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B, ông Trần Tấn C1–Phó Chủ tịch trình bày: Nguồn gốc đất này do Ông Mai Văn T sang nhượng thành quả lao động của bà H, nên chỉ hỗ trợ thành quả lao động, việc làm lộ giao thông là hoàn toàn đúng. Toàn bộ nhà cửa vật, kiến trúc đã hỗ trợ công bồi đắp và ông T đã nhận đủ toàn bộ tiền hỗ trợ nhưng ông T không tháo dỡ bàn giao mặt bằng là không đúng, đề nghị giữ nguyên Quyết định cưỡng chế số 07/QĐ-CC ngày 23/6/2016 đối với ông T.

Tại Bản án hành chính số 16/2017/HC-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Mai Văn T về việc hủy các Quyết định: Quyết định xử phạt số 265 QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn B xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, Quyết định số 07/QĐ-CC ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về cưỡng chế thi hành Quyết định 265 và Quyết định 299/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2016 sửa đổi bổ sung Quyết định 265. Ngoài ra, Bản án

sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/5/2017, ông T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ông T vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch UBND huyện B ông Hồ Song T2 và ông Võ Thanh B1 cùng thống nhất ý kiến trình bày: Phương án bồi thường đã có từ năm 2009 và được phê duyệt vào năm 2010. Ông T đã được bồi thường đầy đủ. Con rễ ông T đã nhận tiền thay ông T và cam kết di dời trong vòng 15 ngày nhưng sau đó chỉ tháo dỡ một phần. UBND thị trấn B đã ra thông báo yêu cầu ông T thực hiện tháo dỡ phần nhận tiền nhưng không thực hiện. Căn cứ vào khoản 6 Điều 50 Luật đất đai 2003 và khoản 1 Điều 43 Luật đất đai 2003 thì trường hợp ông T không được cấp giấy chứng nhận và cũng không được bồi thường. Việc ban hành các Quyết định của Chủ tịch UBND là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Tấn C1- Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B trình bày: Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện việc sắp xếp cư dân theo kế hoạch của UBND tỉnh Cà Mau. Ông T đã được đảm bảo đầy đủ quyền lợi, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Tiêu Văn T3– Chủ tịch UBND thị trấn B đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông T:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Đất tự lấn chiếm, sang nhượng bằng giấy tay, ông T không đủ điều kiện cấp giấy. Ông T đã nhận tiền bồi thường, cam kết di dời nhưng không thực hiện. Việc Chủ tịch UBND thị trấn B và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ban hành các Quyết định là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông T kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện*: Tranh chấp giữa Ông Mai Văn T với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch UBND thị trấn B là "Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", cụ thể là khởi kiện Quyết định xử phạt hành chính số 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn B (gọi tắt là Quyết định 265) và Quyết định cưỡng chế số 07/QĐ-CC ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện B (gọi tắt là Quyết định 07) về hành vi lấn chiếm đất của ông T, đồng thời xem xét Quyết định có liên quan số 299/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2016 (gọi tắt là Quyết định số 299) về sửa đổi bổ sung Quyết định bị khởi kiện số 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn B. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Ông T yêu cầu hủy các Quyết định gồm có Quyết định xử phạt số 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn B xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, Quyết định số 07/QĐ-CC ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về cưỡng chế thi hành Quyết định 265 và Quyết định 299/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2016 sửa đổi bổ sung Quyết định 265. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] *Về thẩm quyền ban hành quyết định:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì Chủ tịch UBND thị trấn B có thẩm quyền ký quyết định xử phạt hành chính nhưng không quá 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét về thời hiệu xử phạt trong lĩnh vực đất đai được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính là 02 năm. Do đó, việc người bị kiện xác định ông T có hành vi lấn chiếm đất từ năm 2001 đến ngày 19/11/2015 mới lập biên bản vi phạm và đến ngày 23/11/2015 ra quyết định xử phạt là hết thời hiệu xử phạt. Quá trình giải quyết vụ án, phía người bị kiện đã ra Quyết định 299 để hủy bỏ phần xử phạt hành chính tại Quyết định số 265 với số tiền 4.000.000 đồng đối với ông T là phù hợp. Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định 07/QĐ-CC ngày 23/6/2016 để cưỡng chế đối với ông T là phù hợp về thẩm quyền được quy định tại Điều 71 của Luật đất đai năm 2013.

[2.2] *Về nội dung áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của Quyết định số 265:*

[2.2.1] Về nguồn gốc đất: Tại tờ sang nhượng thành quả lao động ngày 10/5/2001 (BL122) giữa bà Võ Hồng H và Ông Mai Văn T thể hiện: *phần đất*

trước đây là sông nước, ông T có tiếp bà H bồi đắp cất nhà ở, sau đó 02 bên thỏa thuận sang nhượng thành quả lao động (chiều ngang 4,2m; chiều dài đến mé sông) với giá 7.500.000 đồng... Trong trường hợp nhà nước có chủ trương giải tỏa di dời thì bên sang nhượng tức bên ông T chịu trách nhiệm thi hành.

[2.2.2] Tại Biên bản làm việc ngày xác minh nguồn gốc đất đối với 04 hộ: Mai Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T4 và Hồ Thị T5 do UBND thị trấn B xác lập ngày 02/6/2016 (BL116), bà Võ Hồng H xác định: như nội dung tờ sang nhượng ngày 10/5/2001.

[2.2.3] Hộ Ông Mai Văn T cất nhà ở và quản lý sử dụng đất từ năm 2001 đến khi Nhà nước lập phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng lộ giao thông Khu Thương nghiệp – Dân cư Khóm 1, thị trấn B (Quyết định 3258/QĐ-UBND ngày 11/12/2009). Tuy nhiên, Ông Mai Văn T không được xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất nên chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 và cũng không được bồi thường về đất theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 43 của Luật đất đai năm 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

[2.2.4] Tại phương án bồi thường, hỗ trợ: Hộ ông T được nhận các khoản hỗ trợ (Do anh Nguyễn Minh H2 nhận thay) tổng cộng: 39.972.000 đồng; Trong đó:

- Không bồi thường tiền sử dụng đất, chỉ hỗ trợ công bồi đắp (độ sâu 1,1m x ngang 6,2m x dài 12,6m = 85,93m^3 x 45.000 đồng = 3.868.850 đồng;

- Hỗ trợ bồi thường về nhà ở: diện tích ngang 6,2 m dài 10m = 62m^2 (gồm nền xi măng, gạch, cột gỗ, la phong, mái che; phòng ngũ, bếp nấu ăn, cầu vệ sinh, bờ kè trụ đá) tổng cộng: 33.605.630 đồng;

- Hỗ trợ di dời nhà: 1.000.000 đồng;

- Hỗ trợ ảnh hưởng khác (đồng hồ điện, nước): 1.500.000 đồng.

Theo đo đạc thực tế do ông T chỉ ranh thì tổng diện tích ông quản lý, sử dụng trước khi lập phương án là 71,4m^2, còn người bị kiện xác định là 63,9m^2; (tính hết diện tích). So với phương án đã nhận tiền bồi thường thì diện tích đất theo ông T xác định ít hơn tại phương án, 78,12m^2 (6,2x12,6), còn diện tích nhà ở theo phương án bồi thường là 62,2m^2, theo ông T xác định là 44,7m^2. Do đó, việc người khởi kiện cho rằng phương án bồi thường đã nhận tiền năm 2011 là đã giao mặt bằng, diện tích nhà đất còn lại chưa được bồi thường là không phù hợp.

[2.2.5] Tại bản cam kết nhận tiền ngày 01/8/2011 thể hiện: Đã nhận đủ tiền, cam kết tự di dời giao mặt bằng, không có yêu cầu khiếu nại gì thêm; Nhưng do ông T không tự di dời nhà giao mặt bằng như đã cam kết nên Chủ tịch UBND thị trấn B ra Quyết định 265 buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu và Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định 07/QĐ-CC ngày 23/6/2016 để

cưỡng chế đối với ông T là phù hợp về thẩm quyền và thủ tục cưỡng chế được quy định tại Điều 71 của Luật đất đai năm 2013.

[2.2.6] Đối với phần thủ tục ban hành quyết định bị khởi kiện tuy có sai sót về căn cứ đó là căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 29/BB-VPHC ngày 19/11/2015 nhưng thực tế là Biên bản vi phạm hành chính số 32/BB-VPHC ngày 19/11/2015, nhưng xét về bản chất phía người khởi kiện đã nhận đủ tiền, cam kết tự nguyện di dời và không khiếu nại từ năm 2011, các bên đều xác nhận có Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 19/11/2015 nên việc yêu cầu hủy các Quyết định số 265, Quyết định số 299 và Quyết định số 07 là chưa đủ cơ sở.

Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu hủy các Quyết định số 265, Quyết định số 299 và Quyết định số 07 là đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về lệ phí thẩm định, đo đạc đất, ông T chịu trách nhiệm thi hành. Ông T đã thanh toán xong;

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm:Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ông Mai Văn T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Mai Văn T về việc yêu cầu hủy các Quyết định: Quyết định xử phạt số 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn B xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, Quyết định số 07/QĐ-CC ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về cưỡng chế thi hành Quyết định 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 và Quyết định 299/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2016 sửa đổi bổ sung Quyết định 265/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch UBND thị trấn B.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Mai Văn T phải chịu 200.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng ông T đã nộp ngày 26/8/2016 theo Biên lai thu số 000911 của Cục thi

hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Ông Mai Văn T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Mai Văn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng ông T đã nộp ngày 02/6/2017 theo Biên lai thu số 001110 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Ông Mai Văn T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 07 tháng 12 năm 2017.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
-VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (5) 13b (Án 22)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương